

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/2021/NQ-HĐND

Nam Định, ngày 25 tháng 10 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định
khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

Xét Tờ trình số 22/TTr-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:


Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thực hiện nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khoá XIX, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 25 tháng 10 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 11 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 3;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website Chính phủ, Website tỉnh;
- Cổng TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH




Lê Quốc Chính



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XIX, NHIỆM KỲ 2021 - 2026
(Kèm theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND
ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định (sau đây gọi tắt là HĐND tỉnh), Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021 - 2026; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đối với hoạt động của HĐND tỉnh; quy định mối quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Tỉnh ủy, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Nam Định khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 (sau đây gọi tắt là Đoàn ĐBQH tỉnh), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Nam Định (sau đây gọi tắt là UBMTTQ tỉnh), các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh, HĐND các huyện, thành phố và các cơ quan liên quan; quy định các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của HĐND tỉnh.

2. Những nội dung không quy định trong Quy chế này thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương II
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN
CỦA HĐND, THƯỜNG TRỰC HĐND, BAN CỦA HĐND,
TỔ ĐẠI BIỂU HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều a Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. HĐND tỉnh thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 104 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điểm b Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Thường trực HĐND tỉnh có nhiệm vụ xây dựng dự kiến chương trình kỳ họp HĐND tỉnh trên cơ sở nghị quyết về kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh và đề nghị của Chủ tịch UBND, Chủ tịch UBMTTQ tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân (TAND), Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (VKSND), các Ban của HĐND, đại biểu HĐND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại phiên họp trừ bị trước mỗi kỳ họp của HĐND tỉnh.

3. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và theo nghị quyết của HĐND tỉnh.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 105 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và thực hiện theo Quy chế làm việc của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban của HĐND tỉnh

1. Ban của HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 108, 109, 110, 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điểm c Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo Nghị quyết HĐND hoặc nhiệm vụ do Thường trực HĐND tỉnh phân công.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên ban của HĐND tỉnh.

a) Trưởng ban của HĐND tỉnh trực tiếp chỉ đạo, điều hành các hoạt động của Ban, thay mặt Ban giữ mối liên hệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Phó Trưởng ban của HĐND tỉnh giúp Trưởng Ban thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Trưởng Ban.

c) Ủy viên ban của HĐND tỉnh có trách nhiệm tham gia các hoạt động của Ban và thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng ban.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ đại biểu HĐND tỉnh

1. Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 112 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điểm d Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu HĐND tỉnh.

a) Tổ trưởng Tổ đại biểu HĐND tỉnh điều hành các hoạt động của Tổ đại biểu, thay mặt Tổ đại biểu giữ mối liên hệ với Thường trực HĐND tỉnh và các

cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Tổ phó Tổ đại biểu giúp Tổ trưởng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Tổ trưởng.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền của đại biểu HĐND tỉnh

1. Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện trách nhiệm theo quy định tại các Điều 93, Khoản 2 Điều 94, Điều 95 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 27 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện các quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều 83, Điều 96, Khoản 2, 4, 5 Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 100, Khoản 2, 3, 4 Điều 101 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Khoản 28, 31 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điểm đ Khoản 1 Điều 5 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Chương III HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND, THƯỜNG TRỰC HĐND, CÁC BAN CỦA HĐND, TỔ ĐẠI BIỂU HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH

Mục 1 HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND TỈNH

Điều 7. Kỳ họp HĐND

1. HĐND tỉnh họp thường lệ ít nhất mỗi năm 02 kỳ. Kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ của HĐND tỉnh do HĐND quyết định vào kỳ họp cuối cùng của năm trước theo đề nghị của Thường trực HĐND.

2. HĐND tỉnh họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực HĐND, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu HĐND tỉnh yêu cầu.

3. Thường trực HĐND tỉnh quyết định triệu tập kỳ họp thường lệ chậm nhất là 20 ngày, kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp và dự kiến chương trình kỳ họp HĐND, trình HĐND tỉnh quyết định.

4. Thành phần khách mời tham dự kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 81 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

5. Chủ tịch HĐND tỉnh khai mạc và bế mạc kỳ họp, chủ tọa phiên họp

HĐND tỉnh, bảo đảm thực hiện chương trình kỳ họp và những quy định về kỳ họp HĐND tỉnh. Phó Chủ tịch HĐND tỉnh giúp Chủ tịch HĐND tỉnh trong việc điều hành phiên họp theo sự phân công của Chủ tịch HĐND tỉnh.

6. Chủ tọa kỳ họp cử thư ký kỳ họp. Thư ký kỳ họp có trách nhiệm thực hiện công tác thư ký và các nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

7. HĐND tỉnh thông qua nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp theo trình tự quy định tại Điều 85 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

Điều 8. Hoạt động giám sát của HĐND tỉnh

1. HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 57 Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát của HĐND theo trình tự sau đây:

Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của HĐND, đại biểu HĐND, Ban thường trực UBMTTQ tỉnh và cử tri ở trong tỉnh gửi kiến nghị, đề nghị giám sát của HĐND đến Thường trực HĐND, trong đó nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tổng hợp kiến nghị, đề nghị giám sát và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh.

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh thảo luận và lập dự kiến chương trình giám sát của HĐND tỉnh để trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định tại kỳ họp giữa năm của năm trước. Trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh điều chỉnh chương trình giám sát.

3. HĐND tỉnh xem xét các báo cáo

a) Tại kỳ họp giữa năm và cuối năm, HĐND tỉnh xem xét các báo cáo quy định tại Điểm a, Điểm c, Điểm d, Điểm đ Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

b) Tại kỳ họp cuối nhiệm kỳ, HĐND tỉnh xem xét các báo cáo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 59 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. HĐND tỉnh tiến hành chất vấn và xem xét trả lời chất vấn tại kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh, người đã trả lời chất vấn có trách nhiệm gửi báo cáo về việc thực hiện nghị quyết của HĐND về chất vấn và việc thực hiện các vấn đề đã hứa tại kỳ họp trước đến Thường trực HĐND tỉnh để chuyển đến các đại biểu HĐND tỉnh.

5. HĐND tỉnh xem xét văn bản quy phạm pháp luật của UBND tỉnh, HĐND các huyện, thành phố có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh. Trình tự xem xét văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 61 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

6. Giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh.

Căn cứ chương trình giám sát, HĐND tỉnh ra nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề theo đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh.

Trình tự, thủ tục giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

HĐND tỉnh xem xét báo cáo của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất và ra nghị quyết về vấn đề được giám sát. Nghị quyết giám sát được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

7. HĐND tỉnh lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu theo quy định của pháp luật.

Mục 2

HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH

Điều 9. Phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh tổ chức phiên họp theo quy định tại Điều 106 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và theo Quy chế làm việc của Thường trực HĐND tỉnh để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 10. Hoạt động giám sát của Thường trực HĐND tỉnh

1. Thường trực HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 66 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Thường trực HĐND tỉnh quyết định chương trình giám sát hàng năm của Thường trực HĐND theo quy định tại Điều 67 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Thường trực HĐND tỉnh xem xét quyết định của UBND tỉnh và nghị quyết của HĐND các huyện, thành phố có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Khoản 4 Điều 68 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

4. Thường trực HĐND tỉnh tiến hành chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại phiên họp của Thường trực HĐND trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND

tính theo quy định tại Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

5. Tổ chức hoạt động giải trình tại phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh.

Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND yêu cầu thành viên của UBND, Chánh án TAND, Viện trưởng VKSND tỉnh giải trình và yêu cầu cá nhân có liên quan tham gia giải trình về những vấn đề mà Thường trực HĐND tỉnh quan tâm.

Trình tự phiên giải trình thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Kết thúc phiên giải trình, Thường trực HĐND xem xét, thông qua kết luận về vấn đề được giải trình. Cơ quan, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực HĐND tỉnh.

6. Giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh.

Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực HĐND tỉnh quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề.

Việc thành lập Đoàn giám sát, nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát, việc báo cáo và xem xét báo cáo của Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Sau khi xem xét báo cáo của Đoàn giám sát, Thường trực HĐND tỉnh kết luận về nội dung giám sát. Kết luận của Thường trực HĐND tỉnh được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và báo cáo HĐND tỉnh về hoạt động giám sát của mình.

7. Thường trực HĐND tỉnh giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định tại Điều 73 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

8. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

a) Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND tỉnh.

b) UBND tỉnh báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri. Báo cáo của UBND về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri phải được Ban của HĐND tỉnh thẩm tra theo sự phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

c) Trình tự xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri thực hiện

theo quy định tại Khoản 3 Điều 74 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

d) Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo xây dựng báo cáo giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình HĐND tỉnh.

9. Căn cứ vào chương trình giám sát đã được thông qua, Thường trực HĐND tỉnh có thể giao cho các Ban của HĐND tỉnh hoặc phân công Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện một số nội dung trong chương trình giám sát; phân công Tổ đại biểu HĐND tỉnh khảo sát tình hình, kết quả giải quyết một số kiến nghị của cử tri và báo cáo kết quả giám sát, khảo sát về Thường trực HĐND tỉnh.

Điều 11. Tiếp công dân của Thường trực HĐND tỉnh

Thường trực HĐND tỉnh có trách nhiệm tổ chức đề đại biểu HĐND tỉnh tiếp công dân; xây dựng và công bố lịch tiếp công dân hàng tháng của Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND, Ủy viên Thường trực HĐND, đại biểu HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 107 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN CỦA HĐND TỈNH

Điều 12. Hoạt động giám sát, thẩm tra của Ban của HĐND tỉnh

1. Ban của HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Điều 76 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

2. Ban của HĐND tỉnh lập chương trình giám sát của Ban theo quy định tại Điều 77 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

3. Ban của HĐND tỉnh thực hiện thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án theo quy định tại Điều 111 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 78 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND, Điều 124, Điểm b, Điểm d khoản 1 Điều 126 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Ban của HĐND tỉnh thực hiện giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 và Điều 79 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

5. Ban của HĐND tỉnh thực hiện giám sát chuyên đề theo quy định tại Điều 80 và Điều 81 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

6. Ban của HĐND tỉnh giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Điều 82 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Mục 4
HOẠT ĐỘNG CỦA
TỔ ĐẠI BIỂU HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND TỈNH

Điều 13. Hoạt động của Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh

1. Hoạt động của Tổ đại biểu HĐND tỉnh

a) Tổ đại biểu HĐND tỉnh chủ động phối hợp với Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ các huyện, thành phố nơi ứng cử tổ chức cho các đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri theo kế hoạch của Thường trực HĐND tỉnh, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi về Thường trực HĐND tỉnh; tổ chức cho đại biểu HĐND tỉnh nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị ý kiến thảo luận tại kỳ họp HĐND tỉnh.

b) Tổ đại biểu HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Khoản 2 Điều 83, Khoản 2, 3 Điều 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND. Tổ đại biểu HĐND tỉnh chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình, báo cáo về hoạt động giám sát của đại biểu HĐND trong Tổ với Thường trực HĐND tỉnh.

2. Hoạt động của đại biểu HĐND tỉnh

a) Đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm tham dự kỳ họp HĐND tỉnh theo quy định tại Điều 93 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, thực hiện quyền giám sát và tham gia thảo luận, biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh. Đại biểu HĐND tỉnh hoạt động không chuyên trách phải đảm bảo dành ít nhất một phần ba thời gian làm việc trong năm để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu HĐND theo quy định tại khoản 2 Điều 103 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

b) Đại biểu HĐND tỉnh phải liên hệ chặt chẽ với cử tri và Nhân dân, có trách nhiệm lắng nghe và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân; thực hiện trách nhiệm tiếp xúc cử tri, tiếp công dân, tiếp nhận và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân theo quy định tại Khoản 27 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Điều 95 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 87 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

c) Đại biểu HĐND tỉnh thực hiện các hoạt động giám sát theo quy định tại Khoản 1 Điều 83, Điều 84, Điều 85, Khoản 1, 4 Điều 86 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND TỈNH

Điều 14. Trách nhiệm của UBND, TAND, VKSND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan đối với hoạt động của HĐND tỉnh

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. UBND tỉnh báo cáo HĐND, Thường trực HĐND tỉnh về các nội dung thuộc trách nhiệm của UBND tỉnh; gửi văn bản quy phạm pháp luật và các quyết định do UBND tỉnh ban hành đến Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký; cung cấp thông tin cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND theo quy định của pháp luật.

3. UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp với Thường trực HĐND tỉnh trong việc chuẩn bị kỳ họp HĐND tỉnh; chỉ đạo các cơ quan thuộc UBND tỉnh chuẩn bị các nội dung được dự kiến trong chương trình kỳ họp HĐND tỉnh; thực hiện các thủ tục và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, quyết định đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thường trực HĐND tỉnh.

4. Cơ quan trình đề án, dự thảo nghị quyết của HĐND tỉnh có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy trình, thủ tục và thời hạn xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết để trình HĐND tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Cơ quan chủ trì soạn thảo đề án, dự thảo nghị quyết phối hợp chặt chẽ với Ban của HĐND tỉnh phụ trách lĩnh vực tương ứng trong quá trình xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết, mời Ban của HĐND tỉnh tham gia các cuộc họp và một số hoạt động liên quan đến việc xây dựng đề án, dự thảo nghị quyết.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch, nội dung, yêu cầu giám sát; báo cáo trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời; đáp ứng các yêu cầu phục vụ hoạt động giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh; nghiêm chỉnh chấp hành nghị quyết giám sát của HĐND, thực hiện kết luận, kiến nghị của Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của HĐND tỉnh.

Cá nhân, người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát có trách nhiệm trực tiếp báo cáo, trình bày những vấn đề mà chủ thể giám sát yêu cầu; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo, trình bày được thì ủy quyền cho cấp phó của mình và phải được sự đồng ý của chủ thể giám sát.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm cung cấp thông

tin, tài liệu thuộc thẩm quyền giám sát của HĐND cho Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh theo quy định của pháp luật, cung cấp thông tin, tài liệu cho Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh khi được yêu cầu, trừ thông tin thuộc bí mật nhà nước mà pháp luật quy định không được phép cung cấp.

HĐND các huyện, thành phố có trách nhiệm gửi nghị quyết mà mình đã ban hành đến Thường trực HĐND tỉnh và Ban của HĐND tỉnh theo lĩnh vực phụ trách chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký.

7. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được ý kiến, kiến nghị của cử tri có trách nhiệm nghiêm túc tiếp thu, xem xét, giải quyết kịp thời và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp thường lệ tiếp theo của HĐND tỉnh.

Chương V

QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HĐND TỈNH VỚI CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 15. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Tỉnh ủy

1. HĐND tỉnh chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy đối với hoạt động của HĐND tỉnh; báo cáo Tỉnh ủy về kết quả bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức vụ thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh; báo cáo kết quả lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do HĐND tỉnh bầu và báo cáo về những hoạt động quan trọng của HĐND tỉnh.

2. Thông qua hoạt động của mình, HĐND tỉnh kiến nghị với Tỉnh ủy về những nội dung quan trọng cần lãnh đạo, chỉ đạo để bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội và các nội dung liên quan đến công tác cán bộ.

Điều 16. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với Đoàn ĐBQH tỉnh

1. HĐND tỉnh mời các đại biểu thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tham dự các kỳ họp của HĐND tỉnh.

2. HĐND tỉnh cử đại biểu HĐND tỉnh tham gia hoạt động giám sát của Đoàn ĐBQH tỉnh khi được mời; mời Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh tham gia một số hoạt động giám sát của HĐND tỉnh.

3. HĐND tỉnh phối hợp với Đoàn ĐBQH tỉnh tiếp nhận các ý kiến, kiến nghị của cử tri trong tỉnh chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền ở Trung ương và địa phương giải quyết; thông tin tới cử tri về nội dung trả lời, kết quả giải quyết của các cơ quan chức năng.

4. HĐND tỉnh và Đoàn ĐBQH tỉnh thường xuyên phối hợp, trao đổi thông tin trong việc tiếp nhận, xử lý đơn thư của công dân.

Điều 17. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với UBND tỉnh, TAND tỉnh, VKSND tỉnh và các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh

UBND tỉnh mời Thường trực HĐND tỉnh tham dự phiên họp của UBND tỉnh; cử người tham gia vào các hoạt động của HĐND tỉnh khi có yêu cầu.

TAND, VKSND, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, cơ quan thuộc UBND tỉnh và các cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham dự kỳ họp HĐND tỉnh, tham gia hoạt động của Thường trực HĐND, Ban của HĐND tỉnh khi được mời; mời Thường trực HĐND, Ban của HĐND phụ trách lĩnh vực dự hội nghị tổng kết và một số hoạt động trọng tâm của ngành để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

Điều 18. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với UBNDTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh

1. Chủ tịch UBNDTTQ tỉnh và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh được mời tham dự các kỳ họp HĐND tỉnh. UBNDTTQ tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận được mời tham gia hoạt động giám sát của HĐND tỉnh khi cần thiết.

UBNDTTQ tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh mời Thường trực HĐND và Ban của HĐND tỉnh tham dự một số hoạt động của UBNDTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội để trao đổi thông tin và tăng cường mối quan hệ phối hợp và hiệu quả công tác.

2. HĐND tỉnh thực hiện chế độ gửi thông báo, nghị quyết của HĐND tỉnh tới UBNDTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh.

3. HĐND tỉnh tạo điều kiện để UBNDTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh động viên Nhân dân tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, giám sát, phản biện xã hội đối với hoạt động của chính quyền địa phương.

4. Thường trực HĐND tỉnh phối hợp với Ban Thường trực UBNDTTQ tỉnh và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức cho các đại biểu HĐND tỉnh tiếp xúc cử tri, tiếp nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

HĐND tỉnh có trách nhiệm lắng nghe, giải quyết và trả lời theo thẩm quyền các kiến nghị của UBNDTTQ tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương về xây dựng chính quyền và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Điều 19. Quan hệ công tác giữa HĐND tỉnh với HĐND cấp huyện

Thường trực HĐND tỉnh tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác cho Thường trực HĐND, lãnh đạo các Ban của HĐND cấp huyện; tổ chức Hội nghị trao đổi kinh nghiệm giữa Thường trực HĐND tỉnh với Thường trực HĐND cấp huyện; trường hợp cần thiết, hướng dẫn hoạt động của HĐND

cấp huyện để bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND tỉnh phối hợp với Thường trực HĐND, Ban của HĐND cấp huyện trong quá trình tổ chức thực hiện các hoạt động giám sát, khảo sát trên địa bàn các huyện, thành phố.

Chương VI NHỮNG ĐẢM BẢO CHO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐND TỈNH

Điều 20. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh

1. Kinh phí hoạt động của HĐND tỉnh do ngân sách tỉnh đảm bảo.
2. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo việc sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của HĐND theo đúng quy định của pháp luật.
3. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có trách nhiệm bảo đảm các điều kiện vật chất, thực hiện các chế độ theo quy định của pháp luật đối với Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh.

Điều 21. Chế độ đối với đại biểu HĐND tỉnh

1. Đại biểu HĐND tỉnh được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định và theo nghị quyết của HĐND tỉnh.
2. Đại biểu HĐND tỉnh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành theo Nghị quyết số 41/2021/NQ-HĐND ngày 25 tháng 10 năm 2021 của HĐND tỉnh.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, UBND, các cơ quan thuộc UBND tỉnh, TAND, VKSND tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế.
3. Định kỳ mỗi năm một lần Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thường trực HĐND tỉnh về tình hình thực hiện Quy chế; giúp Thường trực HĐND tỉnh cập nhật kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và tình hình thực tế, đề xuất các nội dung cần sửa đổi, bổ sung để Thường trực HĐND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.